



XÂY DỰNG HỆ THỐNG KHU CÔNG NGHỆ TRONG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

THU HÀ *

TỪ những năm 60 của thế kỷ XX, tại Mỹ đã phát triển rất nhanh các *khu vực làm việc* được kết nối với các đô thị bằng tuyến đường cao tốc, phương tiện vận tải công cộng và ô-tô cá nhân. Vào cuối thập kỷ 80, ở các nước công nghiệp bắt đầu xuất hiện khái niệm mới về một "*khu vực đặc biệt*" kết hợp nhiều chức năng: làm việc, nghỉ ngơi, giải trí... với tên gọi là Công viên khoa học, văn phòng, thương mại. Tại đây, có các công trình nghiên cứu và sản xuất của các tập đoàn công nghệ kỹ thuật cao, các trung tâm thương mại, dịch vụ và công trình phục vụ nghỉ ngơi, giải trí được tổ hợp với mật độ xây dựng thấp và một môi trường cảnh quan đẹp.

Nếu khu công nghệ, được hiểu là một khu vực lãnh thổ có ranh giới xác định, trong đó tập hợp các điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu, hình thành, lựa chọn và ứng dụng công nghệ nhằm phục vụ cho sự phát triển và đổi mới kinh tế - xã hội, thì tên gọi thực chất và ngắn gọn cho nhiều cái tên đã được sử dụng như khu Công viên khoa học, văn phòng, thương mại nói trên chính là khu công nghệ. Đến nay, khu công nghệ đã lần lượt trải qua bốn thế hệ. Đó là:

Khu công nghệ thế hệ thứ nhất (mà ở Việt Nam vẫn quen gọi là khu công nghiệp) thường nằm ven đô thị, gồm các khu đất được chia lô

để cho thuê hoặc bán với giá rẻ cùng giấy phép xây dựng, trên đó có các công trình phục vụ công nghiệp hay kho tàng. Các khu vực này có tiêu chuẩn kiến trúc thấp, hầu như không có cảnh quan vì mật độ xây dựng quá cao. Trên thế giới hiện các khu công nghệ thế hệ thứ nhất vẫn còn được xây dựng để phục vụ các hoạt động công nghiệp hơn là nghiên cứu hoặc thương mại.

Các khu công nghệ thế hệ thứ nhất ở Việt Nam được phân chia thành các hình thức khác nhau như khu công nghiệp và cụm công nghiệp hay khu công nghiệp vừa và nhỏ. Khu công nghiệp phục vụ chủ yếu cho các doanh nghiệp tương đối lớn hoặc có yếu tố nước ngoài, cụm công nghiệp hay các khu công nghiệp vừa và nhỏ phục vụ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sự phân biệt này chủ yếu dựa trên quy mô của khu công nghệ, cách chia lô, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường v.v..

Khu công nghệ thế hệ thứ hai nỗ lực khắc phục sự thiếu hụt cây xanh và gia tăng các hoạt động cộng đồng qua việc bố trí thêm các hoạt động thương mại dịch vụ. Với quan điểm cho rằng, kiến trúc đẹp sẽ đem đến thành công trong công việc, các công trình được bố trí

* Bộ Kế hoạch và Đầu tư

theo nhóm và tổ hợp theo các ý tưởng của hình thức không gian đô thị, ví dụ các công trình bố trí quanh một khoảng mở như quảng trường, các đại lộ, hồ nước và các khoảng cây xanh xen giữa các công trình...

Ở Việt Nam, các khu công viên phần mềm Quang Trung, khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh hay khu công nghệ cao Hòa Lạc được xem như những ví dụ cho khu công nghệ thế hệ thứ hai. Về thực chất, đây vẫn là các khu công nghiệp, nhưng có các tiêu chuẩn về quy hoạch và kiến trúc cao hơn và ưu tiên phục vụ cho các hoạt động sản xuất của các ngành công nghiệp công nghệ cao.

Khu công nghệ thế hệ thứ ba đã giảm mật độ xây dựng xuống khoảng 20%, làm cho khái niệm công viên sẽ lớn hơn khái niệm công việc rất nhiều. Ngoài ra, do có quy mô lớn nên khu công nghệ này có thể bao gồm cả khu vực tư nhân và công cộng trong khi vẫn tạo điều kiện kinh doanh công nghệ hiện đại. Để dễ dàng tưởng tượng, có thể coi khu công nghệ thế hệ thứ ba như những "thị trấn" công nghệ.

Ở nước ta, những mô hình phát triển với quy mô, mật độ và tính chất như khu công nghệ thế hệ thứ ba hiện chưa có hoặc nếu có thì cũng chỉ tồn tại dưới hình thức một vài dự án.

Khu công nghệ thế hệ thứ tư là một khu công nghệ phát triển toàn diện bao gồm cả nhà ở, cửa hàng, trường học và khu giải trí... Chúng có thể tồn tại như một thực thể độc lập, thành một đô thị mới, một "thành phố công nghệ" với ranh giới riêng biệt. Nhìn chung, các khu công nghệ thế hệ thứ tư đều có một trình độ tổ chức rất cao về kỹ thuật và xã hội; có thể trở thành các địa điểm nổi bật, có giá trị về văn hóa của một khu vực, một tỉnh, vùng, thậm chí của cả nước.

Sau nhiều thập kỷ hình thành và phát triển, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công

nghệ cao với nhiều mô hình khác nhau đang được các quốc gia trên thế giới, nhất là các nước chậm phát triển vận dụng như một phương thức hiệu quả nhất nhằm huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển, tạo động lực thúc đẩy quá trình hội nhập.

Trong thời gian qua, nhiều địa phương ở nước ta đã chủ động xây dựng nhiều khu công nghệ với các tên gọi khác nhau, đồng thời, trong quá trình đó cũng đã xuất hiện tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, không hiệu quả cả trước mắt và lâu dài. Đó là chưa kể vấn đề mất đất nông nghiệp, ô nhiễm môi trường cũng như gia tăng các tệ nạn xã hội... Xác định rõ vai trò quan trọng của hệ thống khu công nghệ cũng như khắc phục tình trạng vừa nêu, gần đây, Đảng, Chính phủ đã có nhiều văn bản chỉ đạo cụ thể về việc xây dựng các khu công nghệ như là một trong những nội dung chủ chốt của chủ trương tập trung phát triển công nghệ và kinh tế - xã hội đất nước.

Nhằm thực hiện các Nghị quyết số 53 và số 54-NQ/TW ngày 29-8-2005 và ngày 14-9-2005 của Bộ Chính trị, Thủ tướng đã ban hành các chương trình hành động của Chính phủ kèm theo Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 29-5-2006 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 17-8-2006 với nội dung: *Tổ chức xây dựng và sớm đưa vào hoạt động các khu công nghệ cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia (còn có các tên gọi khác là "khu sinh dưỡng" công nghiệp, khu ương tạo công nghệ, khu ương tạo doanh nghiệp, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ cao...) trở thành trụ cột của hệ thống hạ tầng kỹ thuật khoa học và công nghệ trực tiếp sản xuất....*

Ngày 04-4-2008, trong văn bản số 512/TTg-ĐP, Thủ tướng Chính phủ cũng đã giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ việc xây dựng và vận hành mô hình khu đô thị công

nghe, bao gồm các khu công nghệ, cơ sở đào tạo, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội,...

Thực tiễn ở nước ta cho thấy, do khoa học chưa được xem là lực lượng trực tiếp sản xuất, nên Nhà nước phải tập trung hoàn toàn cho việc phát triển khoa học gián tiếp sản xuất (R và R&D) mà hoạt động này lại chủ yếu diễn ra trong các viện, trường đại học. Từ đó dẫn đến tình trạng Nhà nước phải nỗ lực "gắn kết" các nghiên cứu của các viện, trường với thực tiễn sản xuất mà kết quả thu được vẫn hạn chế. Trong năm 2006, Nhà nước đã đầu tư trên 300 triệu USD cho khoa học và công nghệ, nhưng so với các nước khác, đây vẫn là một con số rất khiêm tốn cả về so sánh tuyệt đối lẫn tương đối. Điều đáng chú ý là về cơ bản số kinh phí này đã không định hướng cho khoa học trực tiếp sản xuất mà chủ yếu cho khoa học gián tiếp sản xuất. Mặt khác, về phương diện tổ chức, nguồn kinh phí này còn được bố trí và sử dụng một cách phân tán và dàn trải.

Cho đến trước năm 2006, thuật ngữ "khoa học và công nghệ trực tiếp sản xuất" vẫn còn chưa xuất hiện trong các tài liệu về quản lý khoa học cũng như các văn bản chính thức ở nước ta, vì thế trong hệ thống học hàm, học vị có danh hiệu giáo sư nhưng không có những danh hiệu khác, như công trình sư, tổng công trình sư hay tương đương. Đáng chú ý là trong lĩnh vực đào tạo đến nay cũng vẫn chưa có quan niệm và phương hướng để giải quyết vấn đề này. Đây là một minh họa cụ thể cho quan niệm coi khoa học và kinh tế là hai lĩnh vực riêng biệt, vì thế, có thể nói, việc phát triển *không theo định hướng nhất thể hóa giữa khoa học và kinh tế là nguyên nhân chủ yếu làm khoa học và công nghệ Việt Nam đến nay vẫn chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.*

Bởi vậy, khu công nghệ phải được coi như *một phương thức hữu hiệu để thực hiện việc phối hợp và nhất thể hóa giữa khoa học và*

kinh tế. Việc tạo lập các khu công nghệ sẽ không chỉ thu hút được vốn đầu tư nước ngoài, tăng thu nhập ngoại tệ, tăng thêm việc làm, làm kinh tế địa phương phồn vinh mà *quan trọng hơn* còn là "khởi nam châm lớn" để thu hút trí thức về quản lý, công nghệ, hoạch định chính sách, văn hóa... Rõ ràng, đây mới thực sự là những yếu tố chiến lược để kinh tế đất nước cất cánh.

Trong khu công nghệ, những bộ phận được lựa chọn hoặc toàn bộ các doanh nghiệp, viện, trường... trong nước và ngoài nước sẽ được hưởng những ưu đãi về cơ chế, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực. Theo cách thức này, có thể nói khu công nghệ thực chất sẽ vừa là hậu cứ vừa là tiền tuyến cho các lực lượng khoa học và công nghệ tiên tiến. Ngoài ra, có thể thấy rằng, tác dụng các khu công nghệ không chỉ có một chiều. Về đối ngoại, đó là cánh cửa mở ra liên kết với bên ngoài. Về đối nội, đó là một hình mẫu về đổi mới. Đổi mới công nghệ, đổi mới kinh tế và đổi mới văn hóa ở các nơi khác sẽ rất thuận lợi, khi đã có các khuôn mẫu thành công của các khu công nghệ.

Vấn đề tiếp theo đặt ra là triển khai các khu công nghệ như thế nào? Để xây dựng được hệ thống các khu công nghệ và đưa vào sử dụng có hiệu quả đòi hỏi không những nguồn vốn đầu tư hết sức lớn mà còn cần một nguồn nhân lực dồi dào có đủ trình độ. Trong khi đó, chỉ riêng nguồn nhân lực công nghệ có trình độ cao ở Việt Nam, những người đã tốt nghiệp các trường đại học kỹ thuật hoặc giữ những cương vị tương đương trong sản xuất, nhìn chung là còn *rất thiếu, yếu và phân tán.* Vì thế, sẽ rất khó thực hiện nhiệm vụ này nếu chỉ dựa vào các nguồn lực trong nước và rõ ràng, nhiệm vụ này chỉ có thể khả thi khi huy động cả các nguồn trí, lực trong và ngoài nước với một quan niệm mới: *khoa học và kinh tế không phải hai lĩnh vực riêng biệt mà "Là một".* □